

Số: 44/2016/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về quy định chế độ hỗ trợ cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế; được phong đẳng cấp vận động viên thể thao quốc gia, quốc tế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét Tờ trình số 11475/TTr-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định chế độ hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế; được phong đẳng cấp vận động viên thể thao quốc gia, quốc tế; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định chế độ hỗ trợ cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Đồng Nai lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế; được phong đẳng cấp vận động viên thể thao quốc gia, quốc tế, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Huấn luyện viên, vận động viên đang được sự quản lý của Trung tâm Thể dục Thể thao, Trường Phổ thông Năng khiếu Thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, các câu lạc bộ thể thao của các sở, ban, ngành, đơn vị của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu quốc tế; được phong đẳng cấp vận động viên thể thao quốc gia, quốc tế.

2. Điều kiện để được hưởng chế độ hỗ trợ

a) Đối với vận động viên, huấn luyện viên

- Vận động viên

+ Đạt thành tích huy chương tại các giải Đại hội thể thao thế giới (Đại hội Olympic), Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn, Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD), Đại hội thể thao bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao Võ thuật - Trong nhà Châu Á, Giải vô địch Châu Á hoặc cúp châu Á từng môn, Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEAGames), Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao; tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch các lứa tuổi trẻ của thế giới, châu Á, Đông Nam Á.

+ Được phong đẳng cấp thể thao: Cấp kiện tướng quốc tế, cấp kiện tướng quốc gia, cấp dự bị kiện tướng quốc gia, cấp I quốc gia.

- Huấn luyện viên

Đào tạo, huấn luyện cho vận động viên thi đấu và đạt thành tích huy chương tại các đại hội, giải thể thao quốc tế; được phong đẳng cấp quốc gia, quốc tế.

b) Phân nhóm các môn thể thao

- Nhóm I: Các môn thể thao thi đấu giải Olympic và 02 môn thể thao mũi nhọn của tỉnh là Thể dục thể hình và Cầu mây.

- Nhóm II: Các môn thể thao còn lại.

3. Chế độ hỗ trợ đạt thành tích huy chương quốc tế

a) Đối với vận động viên

- Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc tế được hưởng mức hỗ trợ theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao trẻ quốc tế theo lứa tuổi:

+ Dưới 12 tuổi được hưởng mức hỗ trợ theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Từ 12 đến dưới 16 tuổi được hưởng mức hỗ trợ theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Từ 16 đến dưới 18 tuổi được hưởng mức hỗ trợ theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Từ 18 đến dưới 21 tuổi được hưởng mức hỗ trợ theo Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Đối với các môn thể thao tập thể, số lượng vận động viên được hỗ trợ khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức hỗ trợ chung bằng số lượng người được hỗ trợ nhân với mức hỗ trợ tương ứng của vận động viên quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Đối với các môn thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được hỗ trợ khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức hỗ trợ chung bằng số lượng vận động viên được hỗ trợ nhân với 50% mức hỗ trợ tương ứng của vận động viên quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với huấn luyện viên

Số lượng huấn luyện viên được hỗ trợ, mức hỗ trợ theo thành tích của vận động viên đạt huy chương được xác định theo quy định tại Điều 13 Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Đối với huấn luyện viên, vận động viên Người khuyết tật: Lập thành tích tại các giải thể thao dành cho Người khuyết tật quốc tế được hưởng mức chế độ hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại Điểm a và b Khoản 3 Mục này.

4. Chế độ hỗ trợ đạt đẳng cấp quốc gia, quốc tế

a) Đối với vận động viên

Đơn vị tính: Đồng/tháng

STT	Đẳng cấp được phong	Mức hỗ trợ
1	Kiên tướng quốc tế	6.000.000
2	Kiên tướng quốc gia	2.500.000
3	Dự bị kiên tướng quốc gia	1.500.000
4	Cấp I quốc gia	1.000.000

- Thời gian hỗ trợ: 12 tháng kể từ ngày được công nhận đẳng cấp vận động viên.

- Mỗi vận động viên chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ đẳng cấp ở mức cao nhất đạt được.

b) Đối với huấn luyện viên

Huấn luyện viên được hưởng chế độ hỗ trợ tương ứng mức hỗ trợ của vận động viên được phong đẳng cấp.

Trường hợp vận động viên chuyển sang thi đấu cho đơn vị, địa phương khác không thuộc tỉnh quản lý hoặc bị kỷ luật (từ đình chỉ thi đấu trở lên) thì vận động viên và huấn luyện viên đang được chế độ hỗ trợ sẽ không được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ kể từ thời điểm quyết định kỷ luật hoặc quyết định chuyển đơn vị có hiệu lực.

5. Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính; Tư Pháp; TT&TT; VHTTDL;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực: TU; HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: TU; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Báo LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC 1

**Mức hỗ trợ vận động viên lập thành tích tại
các đại hội và giải thể thao quốc tế**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09/9/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới				
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic)	120	60	45	Được cộng thêm 45 triệu
2	Đại hội Olympic trẻ	45	20	18	Được cộng thêm 18 triệu
3	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I	60	35	25	Được cộng thêm 40 triệu
4	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II	45	25	20	Được cộng thêm 20 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD)	50	25	20	Được cộng thêm 20 triệu
2	Đại hội thể thao bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao Võ thuật - Trong nhà Châu Á	35	18	15	Được cộng thêm 15 triệu
3	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I	45	20	18	Được cộng thêm 18 triệu

4	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp Châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm II	35	18	15	Được cộng thêm 15 triệu
III Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực					
1	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEAGames)	35	18	15	Được cộng thêm 10 triệu
2	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn của các môn thể thao nhóm I	30	15	10	Được cộng thêm 10 triệu
3	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn của các môn thể thao nhóm II	20	10	08	Được cộng thêm 8 triệu



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC 2

**Mức hỗ trợ vận động viên lập thành tích
tại các đại hội và giải thể thao quốc tế lứa tuổi dưới 12**
(Kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09/9/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới				
1	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	12	7	5	Được cộng thêm 8 triệu
2	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	9	5	4	Được cộng thêm 4 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao Châu Á trẻ	10	5	4	Được cộng thêm 4 triệu
2	Đại hội thể thao trẻ bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao trẻ Võ thuật - Trong nhà Châu Á	7	3,6	3	Được cộng thêm 3 triệu
3	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	9	4	3,6	Được cộng thêm 3,6 triệu

4	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	7	3,6	3	Được cộng thêm 3 triệu
III Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực					
1	Đại hội thể thao trẻ Đông Nam Á	7	3,6	3	Được cộng thêm 2 triệu
2	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	6	3	2	Được cộng thêm 2 triệu
3	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	4	2	1,6	Được cộng thêm 1,6 triệu



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC 3

**Mức hỗ trợ vận động viên lập thành tích
tại các đại hội và giải thể thao quốc tế lứa tuổi từ 12 đến dưới 16**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09/9/2016 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới				
1	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	18	10,5	7,5	Được cộng thêm 12 triệu
2	Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	13,5	7,5	6	Được cộng thêm 6 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao Châu Á trẻ	15	7,5	6	Được cộng thêm 6 triệu
2	Đại hội thể thao trẻ bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao trẻ Võ thuật - Trong nhà Châu Á	10,5	5,4	4,5	Được cộng thêm 4,5 triệu
3	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	13,5	6	4,8	Được cộng thêm 4,8 triệu
4	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn	10,5	5,4	4,5	Được cộng thêm 4,5 triệu

	thể thao nhóm II theo lứa tuổi				
III	Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực				
1	Đại hội thể thao trẻ Đông Nam Á	10,5	5,4	4,5	Được cộng thêm 3 triệu
2	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	9	4,5	3	Được cộng thêm 3 triệu
3	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	6	3	2,4	Được cộng thêm 2,4 triệu



Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC 4

**Mức hỗ trợ vận động viên lập thành tích tại các
đại hội và giải thể thao quốc tế lứa tuổi từ 16 đến dưới 18**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09/9/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thể giới				
1	Giải vô địch thể giới hoặc cúp thể giới từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	24	14	10	Được cộng thêm 16 triệu
2	Giải vô địch thể giới hoặc cúp thể giới từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	18	10	8	Được cộng thêm 8 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao Châu Á trẻ	20	10	8	Được cộng thêm 8 triệu
2	Đại hội thể thao trẻ bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao trẻ Võ thuật - Trong nhà Châu Á	14	7,2	6	Được cộng thêm 6 triệu
3	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	18	8	7,2	Được cộng thêm 7,2 triệu

4	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	14	7,2	6	Được cộng thêm 6 triệu
III	Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực				
1	Đại hội thể thao trẻ Đông Nam Á	14	7,2	6	Được cộng thêm 4 triệu
2	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	12	6	4	Được cộng thêm 4 triệu
3	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	8	4	3,2	Được cộng thêm 3,2 triệu

CHỦ TỊCH *ch*

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC 5

**Mức hỗ trợ vận động viên lập thành tích tại các
đại hội và giải thể thao quốc tế lứa tuổi từ 18 đến dưới 21**
(Kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09/9/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	Thành tích			
		Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục
I	Đại hội, giải thể thao quy mô thế giới				
1	Giải vô địch thể giới hoặc cúp thể giới từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	30	17,5	12,5	Được cộng thêm 20 triệu
2	Giải vô địch thể giới hoặc cúp thể giới từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	22,5	12,5	10	Được cộng thêm 10 triệu
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao Châu Á trẻ	25	12,5	10	Được cộng thêm 10 triệu
2	Đại hội thể thao trẻ bãi biển Châu Á; Đại hội thể thao trẻ Võ thuật - Trong nhà Châu Á	17,5	9	7,5	Được cộng thêm 7,5 triệu
3	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	22,5	10	9	Được cộng thêm 9 triệu
4	Giải vô địch Châu Á hoặc cúp trẻ Châu Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	17,5	9	7,5	Được cộng thêm 7,5 triệu
III	Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực				

1	Đại hội thể thao trẻ Đông Nam Á	17,5	9	7,5	Được cộng thêm 5 triệu
2	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I theo lứa tuổi	15	7,5	5	Được cộng thêm 5 triệu
3	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II theo lứa tuổi	10	5	4	Được cộng thêm 4 triệu



Nguyễn Phú Cường